

Bản án số: 03/2025/HC-PT

Ngày 30/9/2025

*V/v tranh chấp yêu cầu hủy
Quyết định hành chính trong
lĩnh vực hải quan và bồi
thường thiệt hại*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Như Phượng.

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Chí Công

Ông Trương Nam Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Trần Thị Ánh Ngân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số: 04/2025/TLPT-HC ngày 25 tháng 7 năm 2025 về “*Tranh chấp yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực Hải quan và bồi thường thiệt hại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2025/HC-ST ngày 13 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 127/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Công ty cổ phần N3

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông SÉBASTIEN, CAROLIN, EUGÈNE PRIOUX.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: Ông Mai Đại D và ông Vũ Đức D1.

Cùng trú tại: P, Tầng B, Tòa L, Vinhomes G, số B T, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Ông D vắng mặt, ông D1 có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Đội trưởng đội Hải quan cửa khẩu C1.

Địa chỉ: A P, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Thị T; Chức vụ: Phó Đội trưởng. Có mặt

2.2. Hải quan Cửa khẩu C1.

Địa chỉ: A P, phường H thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Thị T; Chức vụ: Phó Đội trưởng. Có mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chi cục Hải quan Khu vực C1; Địa chỉ: E N, phường B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Thu H, công chức Hải quan. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện Công ty cổ phần Năng lượng và Công nghệ cao TTP Bình Định

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Người khởi kiện là Công ty cổ phần N3 trình bày như sau:

Công ty cổ phần N3 (gọi tắt là Công ty N3) được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4101478230 ngày 28 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp, địa chỉ tại thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Công ty N3 đã đầu tư vào dự án Nhà máy Đ1 (sau đây gọi tắt là “Dự Án”), khởi công xây dựng vào cuối năm 2018. Để thực hiện Dự Án, Công ty J, trụ sở tại số A B, G, #21-07/08 Singapore, mã số định danh công ty B đã thay mặt Công ty N3 nhập khẩu tổ hợp máy móc, dây chuyền từ nhà xuất khẩu để xây dựng Dự Án thông qua Hợp đồng thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng Dự Án.

Theo quy định của pháp luật về thuế xuất nhập khẩu và Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/04/2017 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam, Dự Án được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định cho Dự Án. Do đó, ngày 09/01/2019, Công ty N3 đã có thông báo số 0901A/CV-TTP thông báo về Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến nhập khẩu (sau đây gọi tắt là “Danh mục hàng hóa”) gửi Cục Hải quan tỉnh B (nay là Chi cục Hải quan khu vực C1), trong Danh mục có liệt kê tại Mục 1.2 hàng hóa là “kết cấu giá đỡ module pin quang điện (đã được thiết kế, chế tạo theo tiêu chuẩn, kỹ thuật bắt buộc để lắp ráp chuyên dụng và đồng bộ cho các module pin quang điện)” (sau đây gọi tắt là “Khung Giá Đỡ”).

- Về khung giá đỡ:

Ngày 18/01/2019, Chi cục Hải quan khu vực XIII xác nhận thông qua Danh mục hàng hóa của Công ty N3 mà không có ý kiến phản đối hay ghi chú nào.

Trong tháng 01 và tháng 02 năm 2019, Công ty N3 đăng ký tờ khai nhập khẩu hàng hóa là Khung giá đỡ có mô tả là “kết cấu giá đỡ mô – đun pin quang điện bằng thép mạ kẽm, dạng cấu kiện tiền chế được lắp ráp bằng các khớp nối. Mỗi bộ gồm: theo chi tiết đóng gói đính kèm. Hàng mới 100%” lần lượt theo các tờ khai tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 (nay là Hải quan cửa khẩu cảng C1) như sau: tờ khai số 102452656021/A12 ngày 22/01/2019, tờ khai số 102453105901/A12 ngày 22/01/2019, tờ khai số 102453986240/A12 ngày 22/01/2019, tờ khai số 102481612921/A12 ngày 13/02/2019 (sau đây gọi tắt là “04 Tờ Khai”).

Ngày 02/02/2021, Chi cục Hải quan khu vực C1 đã ban hành Thông báo số 147/HQBĐ-NV về việc thu hồi một phần Danh mục miễn thuế nhập khẩu (thu hồi mục 1.2 – kết cấu giá đỡ mô đun pin quang điện) thuộc Danh mục hàng hóa. Sau đó, Công ty N3 đã thực hiện khai thuế và đóng tiền thuế bổ sung với tổng số tiền là 10.375.513.945 đồng lần lượt tại các tờ khai cụ thể: số 730253598540, số 730253600900, số G và số 730253609630.

Ngày 26/12/2023, Hải quan Cửa khẩu C1 đã lập Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính số 28/BB-XM về việc xác minh hành vi khai sai đối tượng miễn thuế đối với 04 Tờ Khai.

Ngày 28/12/2024, Hải quan Cửa khẩu C1 lập Biên bản vi phạm hành chính số 29/BB-VPHC, theo đó Hải quan Cửa khẩu C1 cho rằng Công ty N3 đã kê khai sai đối tượng miễn thuế đối với mặt hàng kết cấu giá đỡ mô đun pin quang điện thuộc 04 Tờ Khai nêu trên dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp.

Ngày 05/01/2024, Đội trưởng đội Hải quan Cửa khẩu C1 ban hành Quyết định số 01/QĐ-XPHC (sau đây gọi tắt là “Quyết định 01”) để xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty N3 về hành vi khai sai đối tượng miễn thuế đối với Khung giá đỡ dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại tờ khai số 04 Tờ khai với tổng số tiền phạt là 2.075.102.789 đồng (Hai tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu một trăm lẻ hai ngàn bảy trăm tám chín đồng).

Ngày 08/01/2024, Công ty N3 đã chấp hành nộp đủ số tiền xử phạt vi phạm hành chính vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước tại Bình Định theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà Nước số 0163962, mã hiệu BDI112324.

Sau khi xem xét hồ sơ vụ việc, chúng tôi cho rằng, việc Chi Cục Trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu C1 xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.075.102.789 đồng đối với mặt hàng Khung giá đỡ là không đúng với quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Công ty N3, cụ thể:

Thứ nhất, Chi cục Hải quan Cửa khẩu C1 cũng như Cục Hải quan tỉnh B đã không thực hiện đúng trách nhiệm theo quy định của pháp luật gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Công ty N3, cụ thể:

Vào ngày 09/01/2019, Công ty N3 đã gửi thông báo số 0901A/CV-TTP để thông báo đến Cục Hải quan tỉnh B về Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến nhập khẩu.

Ngày 18/01/2019, Cục Hải quan tỉnh B đã thông qua Danh mục hàng hóa.

Căn cứ theo quy định tại khoản 9 Điều 104 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ T2 quy định về trách nhiệm của cơ quan Hải quan như sau:

“9. Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

a) Cơ quan hải quan có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý trong tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cụ thể như sau:

a.1) Trường hợp phát hiện hàng hoá không thuộc đối tượng miễn thuế theo quy định thì không đăng ký Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế, có văn bản trả lời cho doanh nghiệp.

Trường hợp phát hiện dự án thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư nhưng hàng hoá tại Danh mục đăng ký xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế không phù hợp mục tiêu, quy mô của dự án thì hướng dẫn, thông báo cho doanh nghiệp biết để điều chỉnh lại Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế;

a.2) Trường hợp chưa đủ cơ sở xác định hàng hóa không thuộc đối tượng miễn thuế theo điểm a.1 nêu trên thì chấp thuận nội dung tự kê khai của người đăng ký danh mục, thực hiện vào sổ theo dõi, đóng dấu xác nhận vào 02 bản Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế và 01 bản phiếu theo dõi trừ lùi (giao cho người nộp thuế 01 bản Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế và 01 bản phiếu theo dõi trừ lùi để xuất trình cho cơ quan hải quan thực hiện trừ lùi khi làm thủ tục hải quan cho hàng hoá thực tế xuất khẩu, nhập khẩu và cơ quan hải quan nơi cấp lưu 01 bản Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế) theo quy định trong trường hợp đăng ký Danh mục bản giấy;

a.3) Trường hợp tại thời điểm đăng ký Danh mục hàng hoá miễn thuế chưa có đủ cơ sở xác định hàng hoá đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a và điểm c khoản 7 Điều 103 thì cơ quan hải quan nơi đăng ký Danh mục ghi chú vào Danh mục và phiếu theo dõi trừ lùi để thực hiện kiểm tra, đối chiếu khi nhập khẩu hoặc thực hiện kiểm tra sau thông quan;

a.4) Nhận xét, ghi chú vào Danh mục hàng hoá miễn thuế về mức độ kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký danh mục để Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện kiểm tra, đối chiếu khi nhập khẩu hoặc để tổ chức thực hiện kiểm tra sau thông quan.”

Theo quy định nêu trên, cơ quan Hải quan phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu trong Danh mục hàng hóa không thuộc đối tượng miễn thuế. Trong trường hợp tại thời điểm đăng ký Danh mục hàng hóa chưa có cơ sở để xác định hàng hóa đáp ứng đủ điều kiện thì cơ quan hải quan phải ghi chú vào danh mục và phiếu theo dõi trừ lùi. Tuy nhiên, suốt quá trình đăng ký Danh mục hàng hóa vào tháng 01/2019, kê khai, nhập khẩu hàng hóa tại cơ quan hải quan (tháng 2/2019), Cục Hải quan tỉnh B đều không có bất kỳ ý kiến nào phản đối cũng như ghi chú để Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 thực hiện việc rà soát, kiểm tra.

Như vậy, có thể kết luận rằng cơ quan hải quan đã không thực hiện đúng nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong việc giám sát kê khai, đăng ký của người nhập khẩu hàng hóa. Công ty N3 đã căn cứ vào các quy định của pháp luật và đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật đăng ký danh mục hàng hóa, kê khai hàng hóa nhập khẩu một cách công khai, minh bạch.

Thứ hai, giả sử trong trường hợp có hành vi kê khai sai đối tượng miễn thuế tại 04 Tờ khai hàng hóa nhập khẩu, Công ty N3 cũng không có lỗi khi thực hiện hành vi này.

Như đã trình bày trên, cơ quan hải quan đã không thực hiện đúng trách nhiệm của mình trong việc giám sát, kiểm tra Danh mục hàng hóa. Do đó, giả sử trong trường hợp có hành vi kê khai sai đối tượng được miễn thuế tại 04 Tờ khai, Công ty N3 cũng không có lỗi khi thực hiện hành vi này.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 2 Luật xử lý Vi phạm hành chính 2012 quy định:

“Vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.”

Ngoài ra, căn cứ theo Mục 2 theo Công văn số 686/TCHQ-TXNK ngày 05/02/2021 của T3 nêu rõ “đối với các tờ khai tờ khai đăng ký trước khi Bộ K và Đầu tư có văn bản xác nhận hàng hóa thuộc danh mục trong nước đã sản xuất được thì không bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính”.

Bộ K và Đầu tư có văn bản số 2119/BKHĐT-KTCN ngày 03/4/2019, số 4456/BKHĐT-KTCN ngày 01/7/2019 xác nhận Khung giá đỡ tám pin quang điện bằng thép hoặc nhôm định hình thuộc danh mục xây dựng trong nước đã sản xuất được và không được miễn thuế nhập khẩu theo quy định. Ngày 03/4/2019 và ngày 01/7/2019 đều sau ngày Công ty N3 kê khai tại tờ khai hải quan lần lượt là vào ngày ngày 22/01/2019 (03 tờ khai) và ngày 13/02/2019.

Như vậy, hành vi của Công ty N3 không có lỗi nên không đủ cấu thành nên hành vi vi phạm hành chính. Do đó, chúng tôi cho rằng Quyết định 01 đã ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty N3.

- Đối với Cáp điện AC:

Ngày 09/01/2019, Công ty N3 đã có thông báo số 0901A/CV-TTP thông báo về Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến nhập khẩu (sau đây gọi tắt là “Danh mục hàng hóa”) gửi Cục Hải quan tỉnh B, trong Danh mục hàng hóa có liệt kê tại Mục 3 hàng hóa là cáp 3Cx185mm² AL 1.8/3 (3.6) kV với số lượng 30.500 mét (sau đây gọi tắt là “Cáp điện AC”).

Ngày 18/01/2019, Cục Hải quan tỉnh B đã xác nhận thông qua Danh mục hàng hóa của Công ty N3 mà không có ý kiến phản đối hay ghi chú nào.

Ngày 28/02/2019, Công ty N3 đăng ký tờ khai nhập khẩu số 102504829710/A12 nhập khẩu mặt hàng cáp điện, trong đó hàng hoá Cáp điện AC có mô tả hàng hóa như sau: Cáp dẫn điện 3Cx185mm², dùng để dẫn điện từ pin về trạm nguồn, đường dây điện áp 3.6kV, bọc cách điện bằng nhựa XLPE, đường kính lõi: 15.35 mm.

Ngày 12/6/2023, Chi cục Hải quan cửa khẩu C1 đã ban hành Thông báo số 878/TB-HQCKQN về nộp thuế và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu với tổng số tiền phải nộp là 2.793.481.344 đồng.

Ngày 14/6/2023, Chi Cục Trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu C1 đã ban hành Quyết định ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu số 37/QĐ-HQCKQN về việc ấn định thuế đối với Cáp điện AC, cụ thể như sau:

- Số tiền thuế ấn định: 2.764.488.768 đồng;
- Số tiền thuế đã nộp: 863.902.740 đồng;
- Số tiền thuế còn phải nộp: 1.900.586.028 đồng.

Lý do ấn định thuế: Công ty N3 đã kê khai sai đối tượng miễn thuế đối với mặt hàng Cáp điện thuộc dòng hàng thứ 2 tờ khai nhập khẩu số 102504829710/A12 ngày 28/02/2019.

Ngày 15/6/2023, Công ty N3 đã chấp hành nộp đủ số tiền thuế theo các quyết định và thông báo nêu trên của Chi Cục Trưởng/Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước tại Bình Định theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà Nước số 2531552, mã hiệu BDI112323.

Ngày 16/6/2023, Chi cục Hải quan Cửa khẩu C1 đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 18/BB-VPHC về xử phạt hành vi khai sai đối tượng được miễn thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại tờ khai số 102504829710/A12 ngày 28/02/2019.

Ngày 10/7/2023, Chi Cục Trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu C1 ban hành Quyết định số 05/QĐ-XPHC (sau đây gọi tắt là “Quyết định 05”) để xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty N3 về hành vi khai sai đối tượng miễn thuế đối với C điện AC dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại tờ khai số 102504829710/A12 ngày 28/02/2019 với tổng số tiền phạt là 380.117.206 đồng (Ba trăm tám mươi triệu một trăm mười bảy ngàn hai trăm lẻ sáu đồng).

Ngày 14/07/2023, Công ty N3 đã chấp hành nộp đủ số tiền xử phạt vi phạm hành chính vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước tại Bình Định theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà Nước số 2983812, mã hiệu BDI112323.

Chúng tôi cho rằng, việc Chi Cục Trưởng C1 xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 380.117.206 đồng (ba trăm tám mươi triệu một trăm mười bảy ngàn hai trăm lẻ sáu đồng) đối với mặt hàng Cáp dẫn điện AC là không đúng với quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Công ty N3, cụ thể:

Thứ nhất, Chi Cục Hải quan cửa khẩu C1 cũng như Cục Hải quan tỉnh B đã không thực hiện đúng trách nhiệm theo quy định của pháp luật gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Công ty N3.

Vào ngày 09/01/2019, Công ty N3 đã gửi thông báo số 0901A/CV-TTP để thông báo đến Cục Hải quan tỉnh B về Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến nhập khẩu.

Ngày 18/01/2019, Cục Hải quan tỉnh B đã thông qua Danh Mục H.

Căn cứ theo quy định tại khoản 9 Điều 104 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ T2 quy định về trách nhiệm của cơ quan hải quan như sau:

“9. Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

a) Cơ quan hải quan có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý trong tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cụ thể như sau:

a.1) Trường hợp phát hiện hàng hoá không thuộc đối tượng miễn thuế theo quy định thì không đăng ký Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế, có văn bản trả lời cho doanh nghiệp.

Trường hợp phát hiện dự án thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư nhưng hàng hoá tại Danh mục đăng ký xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế không phù hợp mục tiêu, quy mô của dự án thì hướng dẫn, thông báo cho doanh nghiệp biết để điều chỉnh lại Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế;

a.2) Trường hợp chưa đủ cơ sở xác định hàng hoá không thuộc đối tượng miễn thuế theo điểm a.1 nêu trên thì chấp thuận nội dung tự kê khai của người đăng ký danh mục, thực hiện vào sổ theo dõi, đóng dấu xác nhận vào 02 bản Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế và 01 bản phiếu theo dõi trừ lùi (giao cho

người nộp thuế 01 bản Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế và 01 bản phiếu theo dõi trừ lùi để xuất trình cho cơ quan hải quan thực hiện trừ lùi khi làm thủ tục hải quan cho hàng hoá thực tế xuất khẩu, nhập khẩu và cơ quan hải quan nơi cấp lưu 01 bản Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế) theo quy định trong trường hợp đăng ký Danh mục bản giấy;

a.3) Trường hợp tại thời điểm đăng ký Danh mục hàng hoá miễn thuế chưa có đủ cơ sở xác định hàng hoá đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a và điểm c khoản 7 Điều 103 thì cơ quan hải quan nơi đăng ký Danh mục ghi chú vào Danh mục và phiếu theo dõi trừ lùi để thực hiện kiểm tra, đối chiếu khi nhập khẩu hoặc thực hiện kiểm tra sau thông quan;

a.4) Nhận xét, ghi chú vào Danh mục hàng hoá miễn thuế về mức độ kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký danh mục để Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện kiểm tra, đối chiếu khi nhập khẩu hoặc để tổ chức thực hiện kiểm tra sau thông quan.”

Theo quy định nêu trên, cơ quan hải quan phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu trong Danh mục hàng hóa không thuộc đối tượng miễn thuế. Trong trường hợp tại thời điểm đăng ký Danh mục hàng hóa chưa có cơ sở để xác định hàng hóa đáp ứng đủ điều kiện thì cơ quan hải quan phải ghi chú vào danh mục và phiếu theo dõi trừ lùi. Tuy nhiên, suốt quá trình đăng ký Danh mục hàng hóa vào tháng 01/2019, kê khai, nhập khẩu hàng hóa tại cơ quan hải quan (tháng 2/2019), Cục Hải quan tỉnh B đều không có bất kỳ ý kiến nào phản đối cũng như ghi chú để Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 thực hiện việc rà soát, kiểm tra.

Cho đến tận ngày 24/04/2023 (sau hơn 04 năm kể từ ngày nhập khẩu hàng hóa), tại buổi làm việc với Công ty N3, Cục Hải quan tỉnh B mới cho rằng Cấp điện AC không được miễn thuế nhập khẩu.

Như vậy, có thể kết luận rằng cơ quan hải quan đã không thực hiện đúng nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong việc giám sát kê khai, đăng ký của người nhập khẩu hàng hóa. Trong khi đó, Công ty N3 đã căn cứ vào các quy định của pháp luật và đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật trong việc đăng ký Danh mục hàng hóa, kê khai hàng hóa nhập khẩu một cách công khai, minh bạch.

Thứ hai, giả sử có hành vi kê khai sai đối tượng miễn thuế tại tờ khai số 102504829710/A12 ngày 28/02/2019, Công ty N3 không có lỗi trong việc thực hiện hành vi này N đã trình bày tại Mục 1.12.1 nêu trên, cơ quan Hải quan đã không thực hiện đúng trách nhiệm của mình trong việc giám sát, kiểm tra Danh mục hàng hóa. Do đó, giả sử có hành vi kê khai sai đối tượng được miễn thuế nhập khẩu, Công ty N3 hoàn toàn không có lỗi trong việc thực hiện hành vi này.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 2 Luật xử lý Vi phạm hành chính 2012 quy định: *“Vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính”*.

Như vậy, hành vi của Công ty N3 không có lỗi nên không đủ cấu thành nên hành vi vi phạm hành chính. Do đó, chúng tôi cho rằng Quyết định 05 đã ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty N3.

- Đối với Cáp điện DC:

Ngày 09/01/2019, Công ty N3 đã có thông báo số 0901A/CV-TTP thông báo về Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến nhập khẩu gửi Cục Hải quan tỉnh B, trong Danh mục hàng hóa có liệt kê tại Mục 2 hàng hóa là cáp DC 1500V 1Cx4mm² (sọc trắng) với tổng số lượng là 588.500 mét (*sau đây gọi tắt là “Cáp điện DC”*).

Ngày 18/01/2019, Cục Hải quan tỉnh B đã xác nhận thông qua Danh mục hàng hóa của Công ty N3 mà không có ý kiến phản đối hay ghi chú nào.

Ngày 12/02/2019, Công ty N3 đăng ký tờ khai nhập khẩu số 102478496851/A12 nhập khẩu mặt hàng cáp điện Cáp điện DC có mô tả như sau: *cáp dẫn điện DC 1Cx4mm², 1 lõi, dùng để dẫn điện từ pin về trạm nguồn, đường D, bọc cách điện bằng nhựa XLPO, đường kính lõi: 2.55mm. Hàng mới 100%.*

Ngày 31/10/2023, Chi Cục Trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 ban hành Quyết định ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu số 93/QĐ-HQCKQN, theo đó, ấn định thuế đối với Cáp điện D2 (*sau đây gọi tắt là “Quyết định 93”*), cụ thể:

- Số tiền thuế ấn định: 3.095.321.680 đồng;
- Số tiền thuế đã nộp: 967.288.025 đồng;
- Số tiền thuế còn phải nộp: **2.128.033.655** đồng (trong đó, thuế nhập khẩu là 1.934.576.050 đồng; thuế giá trị gia tăng là 193.457.605 đồng).

Lý do ấn định thuế: Công ty N3 đã kê khai sai đối tượng miễn thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại tờ khai số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019.

Ngày 01/11/2023, Công ty N3 đã chấp hành nộp đủ số tiền thuế theo Quyết định 93 nêu trên vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước tại Bình Định theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà Nước số 4792664, mã hiệu BDI112323.

Ngày 06/11/2023, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 ban hành thông báo số 1723/TB-HQCKQN về tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu (*sau đây gọi tắt là “Thông Báo 1732”*), theo đó thông báo về số tiền chậm nộp của tờ khai số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019 là **1.091.681.265** đồng (trong đó, tiền chậm

nộp thuế nhập khẩu là 992.473.514 đồng, tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng là 99.234.751 đồng).

Ngày 13/11/2023, Công ty N3 đã chấp hành nộp đủ số tiền chậm nộp theo Thông báo 1732 vào tài khoản của Kho bạc Nhà N1 tại Bình Định theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà Nước số 4946610, mã hiệu BDI112323.

Ngày 02/11/2023, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 25/BB-VPHC về hành vi khai sai đối tượng được miễn thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại tờ khai số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019.

Ngày 21/11/2023, Chi Cục Trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 ban hành Quyết Định số 07/QĐ-XPHC (*sau đây gọi tắt là “Quyết định 07”*) để xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty N3 về hành vi khai sai đối tượng miễn thuế đối với C điện DC dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại tờ khai số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019 với tổng số tiền phạt là **425.606.731** đồng (*Bốn trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm ba mươi một đồng*).

Ngày 24/11/2023, Công ty N3 đã chấp hành nộp đủ số tiền xử phạt vi phạm hành chính vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước tại Bình Định theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà Nước số 5134033, mã hiệu BDI112323.

Sau khi xem xét hồ sơ vụ việc, chúng tôi cho rằng, việc Chi Cục Trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 ban hành các quyết định ấn định thuế, quyết định xử phạt vi phạm hành chính và truy thu tiền chậm nộp với với số tiền đồng đối với mặt hàng Cáp điện DC là không đúng với quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Công ty N3, cụ thể:

Thứ nhất, tại Thông tư số 01/2018/TT-BKHĐT ngày 30/3/2018 của Bộ K và Đầu tư ban hành Danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được (*sau đây gọi tắt là “Thông tư 01/2018”*) không có bất kỳ hàng hóa nào trùng với tên hàng, ký hiệu, quy cách, mô tả đặc tính kỹ thuật so với Cáp điện DC (*cáp dẫn điện DC 1Cx4mm², 1 lõi, dùng để dẫn điện từ pin về trạm nguồn, đường D, bọc cách điện bằng nhựa XLPO, đường kính lõi: 2.55mm*).

Cho đến tận thời điểm ngày 14/4/2023, Bộ K và Đầu Tư mới ban hành Thông tư số 01/2023/TT-BKHĐT, theo đó, quy định tại mục 81 Phụ Lục III – Danh mục vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được mới xuất hiện mặt hàng có mô tả “*cáp điện một chiều, dây 01 lõi đồng, bọc cách điện bằng nhựa XLPO, tiết diện 4mm², điện áp 1,5 kV DC*” tương tự với mô tả trong tờ khai hải quan số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019 của Công ty N3.

Như vậy, hoàn toàn có đầy đủ cơ sở pháp lý để khẳng định mặt hàng Cáp điện DC là vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được quy định tại Thông Tư 01/2018. Đây cũng là quan điểm của Cục Hải quan tỉnh B theo Công văn số 1079/HQBD-NV ngày 31/7/2023 gửi Bộ K và Đầu T1 về việc xác định vương mắc vật tư trong nước đã sản xuất được tại Thông tư 01/2018.

Thứ hai, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 cũng như Cục Hải quan tỉnh B đã không thực hiện đúng trách nhiệm theo quy định của pháp luật gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Công ty N3

Vào ngày 09/01/2019, Công ty N3 đã gửi thông báo số 0901A/CV-TTP để thông báo đến Cục Hải quan tỉnh B về Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến nhập khẩu.

Ngày 18/01/2019, Cục Hải quan tỉnh B đã thông qua Danh mục hàng hóa.

Căn cứ theo quy định tại khoản 9 Điều 104 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ T2 quy định về trách nhiệm của cơ quan hải quan như sau:

“9. Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

a) Cơ quan hải quan có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý trong tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cụ thể như sau:

a.1) Trường hợp phát hiện hàng hoá không thuộc đối tượng miễn thuế theo quy định thì không đăng ký Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế, có văn bản trả lời cho doanh nghiệp.

Trường hợp phát hiện dự án thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư nhưng hàng hoá tại Danh mục đăng ký xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế không phù hợp mục tiêu, quy mô của dự án thì hướng dẫn, thông báo cho doanh nghiệp biết để điều chỉnh lại Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế;

a.2) Trường hợp chưa đủ cơ sở xác định hàng hóa không thuộc đối tượng miễn thuế theo điểm a.1 nêu trên thì chấp thuận nội dung tự kê khai của người đăng ký danh mục, thực hiện vào sổ theo dõi, đóng dấu xác nhận vào 02 bản Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế và 01 bản phiếu theo dõi trừ lùi (giao cho người nộp thuế 01 bản Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế và 01 bản phiếu theo dõi trừ lùi để xuất trình cho cơ quan hải quan thực hiện trừ lùi khi làm thủ tục hải quan cho hàng hoá thực tế xuất khẩu, nhập khẩu và cơ quan hải quan nơi cấp lưu 01 bản Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế) theo quy định trong trường hợp đăng ký Danh mục bản giấy;

*a.3) Trường hợp tại thời điểm đăng ký Danh mục hàng hoá miễn thuế chưa có đủ cơ sở xác định hàng hoá đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a và điểm c khoản 7 Điều 103 thì cơ quan hải quan nơi đăng ký Danh mục **ghi chú** vào Danh*

mục và phiếu theo dõi trừ lùi để thực hiện kiểm tra, đối chiếu khi nhập khẩu hoặc thực hiện kiểm tra sau thông quan;

a.4) Nhận xét, **ghi chú** vào Danh mục hàng hoá miễn thuế về mức độ kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký danh mục để Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện kiểm tra, đối chiếu khi nhập khẩu hoặc để tổ chức thực hiện kiểm tra sau thông quan.”

Theo quy định nêu trên, cơ quan hải quan phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu trong Danh mục hàng hóa không thuộc đối tượng miễn thuế. Trong trường hợp tại thời điểm đăng ký Danh mục hàng hóa chưa có cơ sở để xác định hàng hóa đáp ứng đủ điều kiện thì cơ quan hải quan **phải ghi chú vào danh mục** và phiếu theo dõi trừ lùi. Tuy nhiên, suốt quá trình đăng ký Danh mục hàng hóa vào tháng 01/2019, kê khai, nhập khẩu hàng hóa tại cơ quan hải quan (tháng 2/2019), cơ quan hải quan đều không có bất kỳ ý kiến nào phản đối cũng như **ghi chú** để thực hiện việc rà soát, kiểm tra.

Cho đến tận ngày 24/04/2023 (sau hơn 04 năm kể từ ngày nhập khẩu Cáp điện DC), tại buổi làm việc với Công ty N3, Cục Hải quan tỉnh B mới cho rằng Cáp điện DC không được miễn thuế nhập khẩu.

Như vậy, có thể kết luận rằng cơ quan hải quan đã không thực hiện đúng nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong việc giám sát kê khai, đăng ký của người nhập khẩu hàng hóa. Công ty N3 đã căn cứ vào các quy định của pháp luật và đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật đăng ký Danh mục hàng hóa, kê khai hàng hóa nhập khẩu một cách công khai, minh bạch.

Thứ ba, giả sử trong trường hợp Công ty N3 có hành vi kê khai sai đối tượng miễn thuế, Công ty N3 cũng không có lỗi trong việc thực hiện hành vi kê khai sai đối tượng miễn thuế tại tờ khai số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019.

Như đã trình bày tại Mục 1.13.2 nêu trên, cơ quan hải quan đã không thực hiện đúng trách nhiệm của mình trong việc giám sát, kiểm tra Danh mục hàng hóa. Do đó, Công ty T4 *toàn không có lỗi* kể cả giả sử trong trường hợp có hành vi kê khai sai đối tượng được miễn thuế nhập khẩu.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 2 Luật xử lý Vi phạm hành chính 2012 quy định: “Vi phạm hành chính là hành vi **có lỗi** do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.”

Như vậy, hành vi của Công ty N3 không có lỗi, do đó, không đủ cấu thành nên hành vi vi phạm pháp luật hành chính.

Từ những lập luận trên, Công ty N3 cho rằng Quyết định 93, Quyết định 01 và Thông báo số 1723 đã ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty N3.

Yêu cầu tòa án giải quyết:

- Hủy toàn bộ Quyết định số 01/QĐ-XPHC của Chi Cục Trưởng Chi Cục Hải quan Cửa khẩu C1 ngày 05/01/2024 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty N3 đối với hành vi khai sai đối tượng miễn thuế đối với Khung giá đỡ dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại 04 Tờ khai hàng hóa nhập khẩu, cụ thể: tờ khai số 102452656021/A12 ngày 22/01/2019, tờ khai số 102453105901/A12 ngày 22/01/2019, tờ khai số 102453986240/A12 ngày 22/01/2019, tờ khai số 102481612921/A12 ngày 13/02/2019.

Yêu cầu N2 bị kiện hoàn trả số tiền 2.075.102.789 đồng mà Công ty N3 đã thi hành theo Quyết định 01/QĐ-XPHC ngày 05/01/2024 kèm theo lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật.

- Hủy toàn bộ Quyết định số 05/QĐ-XPHC ngày 10/07/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty N3 đối với hành vi khai sai đối tượng miễn thuế đối với C điện AC dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại tờ khai số 102504829710/A12 ngày 28/02/2019.

Yêu cầu N2 bị kiện hoàn trả số tiền 380.117.206 đồng mà Công ty N3 đã thi hành theo Quyết định 05/QĐ-XPHC ngày 10/07/2023 và lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật.

- Hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 93/QĐ-HQCKQN ngày 31/10/2023 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 07/QĐ-XPHC ngày 21/11/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty N3 đối với hành vi khai sai đối tượng miễn thuế đối với C điện DC dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại tờ khai số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019.

Buộc Chi Cục Trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu C1 hoàn trả lại số tiền **2.128.033.655** đồng mà Công ty N3 đã thi hành theo Quyết định số 93/QĐ-HQCKQN ngày 31/10/2023 kèm theo lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

- Hủy toàn bộ Quyết định số 07/QĐ-XPHC ngày 21/11/2023 của Chi Cục Trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu C1 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi khai sai đối tượng miễn thuế đối với C điện DC dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp.

Buộc Chi Cục Trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu C1 hoàn trả lại số tiền **425.606.731** đồng mà Công ty N3 đã thi hành theo Quyết định số 07/QĐ-XPHC ngày 21/11/2023 kèm theo lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

- Hủy bỏ toàn bộ Thông báo số 1723/TB-HQCKQN ngày 06/11/2023 về tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu.

Buộc Chi Cục Hải quan cửa khẩu C1 hoàn trả số tiền **1.091.681.265** đồng mà Công ty N3 đã thi hành theo thông báo số 1723/TB-HQCKQN ngày 06/11/2023 kèm theo lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật.

- Yêu cầu bồi thường lãi chậm trả của 05 Quyết định hành chính, từ ngày nộp tiền cho đến ngày 12/3/2025 là 952.640.068 đồng. Tuy nhiên, tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện rút khởi kiện về việc yêu cầu bồi thường tiền lãi chậm trả với số tiền yêu cầu bồi thường là 952.640.068 đồng.

2. Người bị kiện là Đội Trưởng Đội Hải quan cửa khẩu C1 và Đội Hải quan cửa khẩu C1 trình bày:

2.1 Đối với khung giá đỡ:

Cơ sở pháp lý:

Công ty Cổ phần N3 đăng ký các tờ khai nhập khẩu loại hình A12, cụ thể tờ khai nhập khẩu số: 102452656021/A12; 102453105901/A12; 102453986240/A12 ngày 22/01/2019 và 102481612921/A12 ngày 13/02/2019 tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1. Hàng hóa theo khai báo là “Kết cấu giá đỡ mô-đun pin quang điện”, được nhập khẩu theo Danh mục hàng hóa miễn thuế số 01/2019/DMMT ngày 11/01/2019 của Cục Hải quan tỉnh B.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của T3 tại Công văn số 5533/TCHQ-TXNK ngày 20/8/2020 về việc thuế nhập khẩu các dự án điện mặt trời và ý kiến của Bộ K và Đầu tư tại Công văn số 2119/BKHĐT-KTCN ngày 03/4/2019, ngày 19/01/2021, Chi cục Hải quan C1 đã có buổi làm việc với Công ty về việc xác định hàng hóa nhập khẩu (Biên bản làm việc số 01/BB-HC11 ngày 19/01/2021) : “Kết cấu giá đỡ mô-đun pin quang điện” thuộc danh mục miễn thuế số 01/2019/DMMT ngày 11/01/2029 là loại vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được. Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 thực hiện áp dụng chính sách thuế theo đúng quy định đối với 04 tờ khai nêu trên.

Ngày 15/3/2021, Công ty đã thực hiện khai sửa đổi, bổ sung 04 tờ khai nhập khẩu nêu trên và được Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 hoàn thành kiểm tra, chấp nhận khai sửa đổi bổ sung, cụ thể như sau:

STT	Tờ khai nhập khẩu	Tờ khai bổ sung	Số tiền thuế nhập khẩu tăng sau khi khai báo (VNĐ)	Số tiền thuế VAT tăng sau khi khai báo (VNĐ)	Tổng số tiền thuế thiếu sau khi khai báo (VNĐ)
1	102452656021/A12 Ngày 22/01/2019	730253598540 Ngày 15/3/2021	2.379.440.217	237.944.022	2.617.384.239
2	102453105901/A12	730253600900	2.379.440.217	237.944.022	2.617.384.239

	Ngày 22/01/2019	Ngày 15/3/2021			
3	102453986240/ A12 Ngày 22/01/2019	730253604400 Ngày 15/3/2021	2.379.440.217	237.944.022	2.617.384.239
4	102481612921/ A12 Ngày 13/02/2019	730253609630 Ngày 15/3/2021	2.293.964.753	229.396.475	2.523.361.228
	Tổng		9.432.285.404	943.228.541	10.375.513.945

Công ty đã nộp đủ số tiền thuế thiếu và tiền chậm nộp thuế vào ngân sách nhà nước (Bảng chi tiết bộ hồ sơ nhập khẩu).

Tại thời điểm Công ty K1 bổ sung, công chức xử lý hồ sơ đã nhận thấy có dấu hiệu hành vi vi phạm hành chính là khai sai đối tượng miễn thuế. Tuy nhiên, thực hiện ý kiến chỉ đạo của T3 tại mục 2 Công văn số 686/TCHQ-TXNK ngày 05/02/2021 về việc nhập khẩu hàng hóa của các dự án điện mặt trời, nên Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 đã không thực hiện trình tự, thủ tục xử phạt Vi phạm hành chính đối với Công ty N3. Ngày 19/6/2023, T3 có Công văn số 3130/TCHQ-TXNK về việc xử lý kiến nghị Kiểm toán nhà nước với mặt hàng giá đỡ tấm pin quang điện, nội dung:

Thực hiện ý kiến của Bộ K và Đầu tư: Tại Công văn số 2793/BKHĐT-KTCNDV ngày 12/4/2023, Bộ K và Đầu tư có ý kiến: Thông tư 01/2018/TT-BKHĐT ngày 30/3/2018 có hiệu lực từ ngày 15/5/2018. Điều 2 Thông tư quy định các danh mục tại Điều 1 là căn cứ xác định đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, đối tượng miễn thuế nhập khẩu theo quy định. Do vậy, kể từ thời điểm 15/5/2018, các hàng hóa trong danh mục tại Điều 1 Thông tư là căn cứ để xác định hàng hóa không chịu thuế giá trị gia tăng, đối tượng miễn thuế mà không phụ thuộc vào văn bản hướng dẫn của Bộ K và Đầu tư. Ngày 03/4/2019, Bộ K và Đầu tư có văn bản số 2119/BKHĐT-KTCN hướng dẫn xử lý vướng mắc xác định vật tư trong nước đã sản xuất được, văn bản này là văn bản hướng dẫn thi hành không phải văn bản quy phạm pháp luật.

“3.... mặt hàng “Khung giá đỡ tấm pin quang điện” thuộc danh mục hàng hóa trong nước đã sản xuất được quy định tại mục 82 Phụ lục III ban hành kèm theo

Thông tư số 01/2018/TT-BKHĐT và trong nước đã sản xuất được hàng hóa này từ thời điểm 15/5/2018

...Việc xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn, trong đó cần lưu ý các nội dung:

...Tiến hành xác minh từng vụ việc theo quy định tại Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính

...Hướng dẫn này thay thế hướng dẫn tại điểm 2 Công văn số 686/TCHQ-TXNK ngày 05/02/2021 của T3"

Theo đó Cục Hải quan tỉnh B đã có Công văn số 871/HQBD-NV ngày 26/6/2023 triển khai ý kiến chỉ đạo của Tổng cục Hải quan tại Công văn nêu trên.

Qua triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Cục Hải quan tỉnh B và T3 tại các Công văn nêu trên, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 phát sinh vướng mắc về thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính đối với vụ việc của Công ty N3 nên đã có Công văn số 1092/HQCKQN-TT ngày 14/7/2023 báo cáo xin ý kiến lãnh đạo cấp trên.

Ngày 26/7/2023, Cục Hải quan tỉnh B có Công văn số 1058/HQBD-NV báo cáo vướng mắc xử lý vi phạm mặt hàng khung giá đỡ tám pin quang điện, nội dung liên quan đến vướng mắc thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính gửi T3. Ngày 25/8/2023, T3 có Công văn số 4444/TCHQ-PC trả lời vướng mắc của Cục Hải quan tỉnh B, với nội dung: *"...Tiến hành xác minh từng vụ việc theo quy định tại Điều 59 Luật xử lý vi phạm hành chính. Trên cơ sở kết quả xác minh vụ việc, cơ quan hải quan thực hiện lập biên bản vi phạm hành chính..."*.

Ngày 27/9/2023, Cục Hải quan tỉnh B tiếp tục gửi Công văn số 1336/HQBD-CBL xin ý kiến T3 về thời hạn lập Biên bản vi phạm hành chính đối với vướng mắc phát sinh tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1.

Ngày 13/12/2023, T3 có Công văn số 6446/TCHQ-PC về việc vướng mắc xử phạt vi phạm hành chính, với nội dung: "Việc xác minh có hay không có vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính khi có văn bản của cơ quan có thẩm quyền (Kiểm toán nhà nước) về xác định hành vi có lỗi là đúng quy định pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 12, Điều 16 Luật Xử lý vi phạm hành chính, điểm a khoản 2 Điều 49, khoản 6 Điều 57 Luật Kiểm toán nhà nước, để đảm bảo thực hiện kiến nghị kiểm toán, yêu cầu Cục Hải quan tỉnh B chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc hướng dẫn tại Công văn số 3130/TCHQ-TXNK ngày 19/6/2023 và Công văn số 4444/TCHQ-PC ngày 25/8/2023".

Ngày 26/12/2023, triển khai thực hiện công văn số 6446/TCHQ-PC ngày 13/12/2023 của T3 về việc vướng mắc xử phạt Vi phạm hành chính và để xác định đúng hành vi vi phạm của Công ty N3, Chi cục Hải quan Cửa khẩu cảng C1 đã đến

trụ sở Công ty N3 xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính (Biên bản số 28/BB-XM ngày 26/12/2023 của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1). Qua đó xác định, Công ty N3 đã có hành vi: Khai sai đối tượng miễn thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại các tờ khai nhập khẩu số: 102452656021/A12 ngày 22/01/2019; 102453105901/A12 ngày 22/01/2019; 102453986240/A12 ngày 22/01/2019 và 102481612921/A12 ngày 13/02/2019.

Do hành vi vi phạm của Công ty N3 bị cơ quan Hải quan phát hiện sau khi thông quan hàng hóa nên hành vi vi phạm nêu trên được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ.

Trình tự, thủ tục:

- Về thời hiệu xử phạt: Căn cứ thời điểm Công ty đăng ký tờ khai hải quan số: 102452656021/A12; 102453105901/A12; 102453986240/A12 ngày 22/01/2019 và 102481612921/A12 ngày 13/02/2019; Căn cứ Điều 6 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 3 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan thì: Hành vi vi phạm của Công ty có thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 05 năm. Do đó, hành vi vi phạm của Công ty còn thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

- Về thẩm quyền: Căn cứ Điều 19 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan thì vụ việc thuộc thẩm quyền xử lý của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1.

- Lập Biên bản vi phạm hành chính:

+ Về thời hạn: Trên cơ sở Biên bản xác minh hành vi vi phạm của Công ty N3 (Biên bản số 28/BB-XM ngày 26/12/2023), ngày 28/12/2023, công chức Đội Thủ tục hàng hóa xuất nhập khẩu đã lập Biên bản Vi phạm hành chính số 29/BB-VPHC đối với Công ty Cổ phần N3 về hành vi vi phạm nêu trên, được quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ. Đảm bảo thời hạn được quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ.

+ Biên bản được lập tại nơi xảy ra hành vi vi phạm - Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 (nơi Công ty N3 mở tờ khai hải quan).

+ Biên bản được lập theo mẫu số MBB01 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ. Biên bản đã được gửi cho người

đại diện của Công ty N3 (ký xác nhận tại Biên bản Vi phạm hành chính số 29/BB-VPHC).

- Về Giải trình: Hành vi vi phạm của Công ty N3 thuộc trường hợp được giải trình quy định tại Điều 61 Luật Xử lý vi phạm. Tuy nhiên, Công ty N3 đề nghị không giải trình trực tiếp và bằng văn bản (được ghi nhận tại Biên bản Vi phạm hành chính số 29/BB-VPHC ngày 28/12/2023).

- Về Quyết định xử phạt VPHC:

+ Về thời hạn: Công ty N3 yêu cầu không thực hiện quyền giải trình trực tiếp và bằng văn bản (được ghi nhận tại Biên bản Vi phạm hành chính số 29/BB-VPHC ngày 28/12/2023). Căn cứ khoản 1 Điều 17 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 thì thời hạn ban hành quyết định xử phạt theo điểm a khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Do vậy, Quyết định số 01/QĐ-XPHC ngày 05/01/2024 đảm bảo thời hạn ra quyết định xử phạt.

+ Quyết định được lập theo mẫu số MQĐ02 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ. Quyết định đã được gửi cho Công ty N3 qua đường bưu điện bằng hình thức đảm bảo và thông báo cho Công ty biết. Công ty N3 đã nhận được Quyết định xử phạt và nộp đủ số tiền phạt theo quyết định trong thời hạn quy định (Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước).

Như vậy, Quyết định số 01/QĐ-XPHC ngày 05/01/2024 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 là có cơ sở, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Do đó, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 không đồng ý yêu cầu “Hủy toàn bộ Quyết định số 01/QĐ-XPHC của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 ngày 05/01/2024 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với N3 đối với hành vi khai sai đối tượng miễn thuế đối với Khung giá đỡ dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại 04 tờ khai hàng hóa nhập khẩu, cụ thể: tờ khai số 102452656021/A12 ngày 22/01/2019; 102453105901/A12 ngày 22/01/2019; 102453986240/A12 ngày 22/01/2019 và 102481612921/A12 ngày 13/02/2019” của Công ty Cổ phần N3. Quyết định số 01 ban hành đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định nên căn cứ khoản 1 Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì Công ty N3 phải nộp tiền phạt là 2.075.102.789 đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt VPHC. Do đó, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 không đồng ý yêu cầu “Buộc Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 hoàn trả số tiền 2.075.102.789 đồng mà N3 đã thi hành theo Quyết định số 01/QĐ-XPHC ngày 05/01/2024 kèm lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật” của Công ty Cổ phần N3.

2.2. Đối với cấp điện AC:

Cơ sở pháp lý:

T3 có công văn số 356/TCHQ-TXNK về việc chấn chỉnh công tác quản lý thuế, trên cơ sở Kết luận, kiến nghị của Đoàn Kiểm toán nhà nước khu vực V (theo Quyết định số 780/QĐ-KTNN ngày 03/6/2022), T3 yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố kiểm tra, rà soát toàn bộ các hồ sơ miễn thuế, đảm bảo hàng hóa nhập khẩu phải đủ điều kiện miễn thuế theo quy định.

Qua kiểm tra, rà soát thông tin khai báo của tờ khai số 102504829710/A12 ngày 28/02/2019, Cục Hải quan tỉnh B phát hiện mặt hàng cáp điện thuộc dòng hàng thứ 2 nhập khẩu theo tờ khai nêu trên của Công ty thuộc danh mục hàng hóa trong nước đã sản xuất được, quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BKHĐT ngày 30/3/2018 của Bộ K và Đầu tư. Nên, hàng hóa nhập khẩu nêu trên của Công ty không thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 11 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/0H13 ngày 06/4/2016; Điều 14 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Ngày 06/3/2023, Phòng Nghiệp vụ (thuộc Cục Hải quan tỉnh B) có Công văn số 54/NV triển khai Công văn số 356/TCHQ-TXNK ngày 10/01/2023 của T3 đến Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 biết và xử lý theo quy định.

Ngày 24/4/2023, Cục Hải quan tỉnh B đã có buổi làm việc với Công ty N3 về các vấn đề liên quan đến thực hiện chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc Danh mục miễn thuế số 01/2019/DMMT ngày 11/01/2019 do Cục Hải quan tỉnh B cấp. Tại buổi làm việc, Cục Hải quan tỉnh B xác định hàng hóa thuộc tờ khai số 102504829710/A12 ngày 28/02/2019 không được miễn thuế nhập khẩu, do đó Cục Hải quan tỉnh B sẽ thực hiện ấn định thuế và xử phạt theo quy định. Ngay sau buổi làm việc, Cục Hải quan tỉnh B có Công văn số 545/HQBĐ-NV ngày 24/4/2023 đề nghị Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 thực hiện ấn định thuế và xử lý theo đúng quy định đối với mặt hàng cáp điện nhập khẩu nêu trên.

Do đó, ngày 14/6/2023, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 đã ban hành Quyết định số 37/QĐ-HQCKQN về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với mặt hàng cáp điện thuộc dòng hàng thứ 2 tờ khai hải quan nhập khẩu số 102504829710/A12 ngày 28/02/2019 của Công ty Cổ phần N3.

Ngày 15/6/2023, Công ty đã nộp đủ số tiền thuế thiếu còn lại nêu trên vào Kho bạc Nhà nước trước thời điểm lập Biên bản Vi phạm hành chính (Chứng từ nộp tiền số 2531552 ngày 15/6/2023).

- Nội dung liên quan đến trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính:

Ngày 23/5/2023, Cục Hải quan tỉnh B nhận được Công văn của Công ty N3 ngày 19/5/2023 về ý kiến của Công ty Cổ phần N3 sau cuộc họp với Quý Cục ngày 24/4/2023, Công ty N3 không đồng ý với ý kiến về việc xử phạt vi phạm hành chính vì cho rằng hành vi vi phạm của Công ty thuộc trường hợp không xử phạt vi phạm

hành chính được quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Ngày 01/6/2023, Cục Hải quan tỉnh B có Công văn số 754/HQBĐ-NV phúc đáp Công văn ngày 19/5/2023 của Công ty N3, nội dung xác định: “...Hành vi vi phạm của Công ty không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. 3. Các trường hợp người khai hải quan thực hiện theo văn bản hướng dẫn, quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế theo quy định tại khoản 11 Điều 16 Luật Quản lý thuế”.

Tuy nhiên, để đảm bảo xử lý vi phạm đúng quy định và quyền lợi cho người khai hải quan, ngày 01/6/2023, Cục Hải quan tỉnh B có Công văn số 755/HQBĐ-NV báo cáo Tổng cục Hải quan đối với vướng mắc nêu trên của Công ty N3.

Ngày 19/7/2023, T3 có Công văn số 3755/TCHQ-TXNK về việc vướng mắc xác định vật tư trong nước đã sản xuất được, trong đó đề nghị Cục Hải quan tỉnh B căn cứ các quy định để làm rõ “Văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước” mà công ty đã thực hiện để xem xét trả lời Công ty và thực hiện xử phạt vi phạm hành chính nếu Công ty khai thuế theo các tài liệu chưa chính xác.

Như vậy, việc Công ty Cổ phần N3 khai sai về đối tượng miễn thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại tờ khai số 102504829710/A12 ngày 28/02/2019 đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Hải quan năm 2014; khoản 3 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

Ngày 16/6/2023, công chức Đội Thủ tục hàng hóa xuất nhập khẩu đã lập Biên bản Vi phạm hành chính số 18/BB-VPHC đối với Công ty Cổ phần N3 về hành vi khai sai đối tượng miễn thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại tờ khai số 102504829710/A12 ngày 28/02/2019, được quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 19/10/2013 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ.

Trình tự, thủ tục:

- Về thời hiệu xử phạt: Căn cứ thời điểm Công ty đăng ký tờ khai hải quan số 102504829710/A12 ngày 28/02/2019; Căn cứ Điều 6 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 3 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan thì: Hành vi vi phạm của

Công ty có thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 05 năm. Do đó, hành vi vi phạm của Công ty còn thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

- Về thẩm quyền: Căn cứ Điều 19 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan thì vụ việc thuộc thẩm quyền xử lý của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1.

- Lập Biên bản vi phạm hành chính:

+ Về thời hạn: Sau khi Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 ấn định thuế vào ngày 14/6/2023 thì ngày 16/6/2023, công chức Đội Thủ tục hàng hóa xuất nhập khẩu đã lập Biên bản Vi phạm hành chính số 18/BB-VPHC đối với Công ty Cổ phần N3. Đảm bảo thời hạn được quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ.

+ Biên bản được lập tại nơi xảy ra hành vi vi phạm - Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 (nơi Công ty N3 mở tờ khai hải quan số 102504829710/A12 ngày 28/02/2019).

+ Biên bản được lập theo mẫu số MBB01 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ. Biên bản đã được gửi cho người đại diện của Công ty N3 (ký xác nhận tại Biên bản Vi phạm hành chính số 18/BB-VPHC).

- Về Giải trình: Hành vi vi phạm của Công ty N3 thuộc trường hợp được giải trình quy định tại Điều 61 Luật Xử lý vi phạm và được ghi nhận tại Biên bản Vi phạm hành chính số 18/BB-VPHC ngày 16/6/2023. Ngày 22/6/2023, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 nhận được Công văn không số ngày 19/6/2023 về việc giải trình của Công ty Cổ phần N3 liên quan đến Biên bản vi phạm hành chính số 18/BB-VPHC ngày 16/6/2023. Người có thẩm quyền xử phạt đã xem xét ý kiến giải trình trước khi ban hành Quyết định xử phạt.

- Về Quyết định xử phạt VPHC:

+ Về thời hạn: Quyết định số 05/QĐ-XPHC ngày 10/7/2023 về việc xử phạt vi phạm đối với Công ty N3 được ban hành trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày lập biên bản Vi phạm hành chính (ngày 16/6/2023), quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

+ Quyết định được lập theo mẫu số MQĐ02 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ. Quyết định đã được gửi cho Công ty N3. Công ty N3 đã nhận được Quyết định xử phạt và nộp đủ số tiền phạt theo quyết định trong thời hạn quy định (Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước).

Như vậy, Quyết định số 05/QĐ-XPHC ngày 10/7/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 là có cơ sở, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo

quy định. Do đó, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 không đồng ý yêu cầu “Hủy toàn bộ Quyết định số 05/QĐ-XPHC ngày 10/7/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với N3 đối với hành vi khai sai đối tượng miễn thuế đối với C điện AC dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại tờ khai số 102504829710/A12 ngày 28/02/2019” của Công ty Cổ phần N3. Quyết định số 05/QĐ-XPHC ngày 10/7/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 là có cơ sở, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định nên căn cứ khoản 1 Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì Công ty N3 phải nộp tiền phạt là 380.117.206 đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt VPHC. Do đó, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 không đồng ý yêu cầu “Buộc Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 hoàn trả số tiền 380.117.206 đồng mà N3 đã thi hành theo Quyết định số 05/QĐ-XPHC ngày 10/7/2023 kèm lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật” của Công ty Cổ phần N3.

2.3. Đối với cáp điện DC:

Cơ sở xác định mặt hàng Cáp điện DC thuộc vật tư trong nước đã sản xuất được:

T3 có công văn số 356/TCHQ-TXNK về việc chấn chỉnh công tác quản lý thuế, trên cơ sở Kết luận, kiến nghị của Đoàn Kiểm toán nhà nước khu vực V (theo Quyết định số 780/QĐ-KTNN ngày 03/6/2022), T3 yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố kiểm tra, rà soát toàn bộ các hồ sơ miễn thuế, đảm bảo hàng hóa nhập khẩu phải đủ điều kiện miễn thuế theo quy định.

Qua kiểm tra, rà soát các danh mục miễn thuế, Cục Hải quan tỉnh B phát hiện: mặt hàng cáp điện tại dòng hàng thứ 2 (Cáp DC 1Cx4mm², 1 lõi, dùng để dẫn điện từ pin về trạm nguồn, đường D, bọc cách điện bằng nhựa XLPO, đường kính lõi: 2.55mm) thuộc tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019, tờ khai đã được thông quan ngày 25/02/2019 của Công ty Cổ phần N3, được nhập khẩu theo Danh mục hàng hóa miễn thuế số 01/2019/DMMT ngày 11/01/2019 của Cục Hải quan tỉnh B, thì thuộc danh mục vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được, quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BKHĐT ngày 30/3/2018 của Bộ K và Đầu tư.

Ngày 06/3/2023, Phòng Nghiệp vụ (thuộc Cục Hải quan tỉnh B) có Công văn số 54/NV triển khai Công văn số 356/TCHQ-TXNK ngày 10/01/2023 của T3 đến Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 biết và xử lý theo quy định.

Ngày 24/4/2023, Cục Hải quan tỉnh B đã có buổi làm việc với Công ty N3 về các vấn đề liên quan đến thực hiện chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc Danh mục miễn thuế số 01/2019/DMMT ngày 11/01/2019 do Cục Hải quan tỉnh B cấp. Tại buổi làm việc, Cục Hải quan tỉnh B xác định hàng hóa thuộc tờ khai số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019 không được miễn thuế nhập khẩu, do đó Cục

Hải quan tỉnh B sẽ thực hiện ấn định thuế và xử phạt theo quy định. Ngay sau buổi làm việc, Cục Hải quan tỉnh B có Công văn số 545/HQBD-NV ngày 24/4/2023 đề nghị Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 thực hiện ấn định thuế và xử lý theo đúng quy định đối với mặt hàng cáp điện nhập khẩu nêu trên.

Ngày 23/5/2023, Cục Hải quan tỉnh B nhận được Công văn của Công ty N3 ngày 19/5/2023 về việc ý kiến của Công ty Cổ phần N3 sau cuộc họp với Quý Cục ngày 24/4/2023, Công ty N4 (*Theo tờ khai số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019*) không thuộc Danh mục vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được tại Thông tư số 01/2018/TT-BKHĐT ngày 30/3/2018 của Bộ K và Đầu tư và không đồng ý với ý kiến về việc xử phạt vi phạm hành chính vì cho rằng hành vi vi phạm của Công ty thuộc trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Ngày 01/6/2023, Cục Hải quan tỉnh B có Công văn số 754/HQBD-NV phúc đáp Công văn ngày 19/5/2023 của Công ty N3, nội dung:

“1. Về mặt hàng Cáp điện DC thuộc tờ khai hải quan số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019, Cục Hải quan tỉnh B có văn bản báo cáo T3 để xem xét...

Về xử phạt vi phạm hành chính và tính tiền chậm nộp

...Hành vi vi phạm của Công ty không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ

3. Các trường hợp người khai hải quan thực hiện theo văn bản hướng dẫn, quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế theo quy định tại khoản 11 Điều 16 Luật Quản lý thuế”.

Tuy nhiên, để đảm bảo xử lý vi phạm đúng quy định và quyền lợi cho người khai hải quan, ngày 01/6/2023, Cục Hải quan tỉnh B có Công văn số 755/HQBD-NV báo cáo T3 đối với vướng mắc của Công ty N3.

Ngày 19/7/2023, T3 có Công văn số 3755/TCHQ-TXNK về việc vướng mắc xác định vật tư trong nước đã sản xuất được, trong đó đề nghị Cục Hải quan tỉnh B căn cứ các quy định để làm rõ “Văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước” mà công ty đã thực hiện để xem xét trả lời Công ty và thực hiện xử phạt vi phạm hành chính nếu Công ty khai thuế theo các tài liệu chưa chính xác.

Ngày 24/7/2023, Cục Hải quan tỉnh B có Công văn số 1037/HQBD-NV yêu cầu Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 thực hiện theo hướng dẫn của T3 tại Công văn số 3755/TCHQ-TXNK nêu trên.

Để xác định chính xác “mặt hàng cáp điện thuộc dòng hàng thứ 2 tờ khai hải quan nhập khẩu số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019 của Công ty Cổ phần N3” có thuộc danh mục vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được, quy định tại Thông

tư số 01/2018/TT-BKHĐT ngày 30/3/2018 của Bộ K và Đầu tư hay không? Và đảm bảo quyền lợi cho Người nộp thuế nên Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 đã có Công văn số 1169/HQCKQN-TT ngày 31/7/2023 gửi Cục Hải quan tỉnh B báo cáo vướng mắc.

Ngày 31/7/2023, Cục Hải quan tỉnh B có Công văn số 1079/HQBĐ-NV báo cáo Bộ K và Đầu tư vướng mắc về xác định vật tư trong nước đã sản xuất được. Ngày 25/9/2023, Cục Hải quan tỉnh B nhận được Công văn số 7818/BKHĐT-KTCNDV ngày 20/9/2023 của Bộ K và Đầu tư về việc ý kiến xử lý vướng mắc thực hiện quy định tại Thông tư 01/2018/TT-BKHĐT, với nội dung:

“Về nội dung này, Bộ K và Đầu tư đã có Công văn số 2119/BKHĐT-KTCN ngày 03/4/2019 hướng dẫn xử lý vướng mắc nêu trên gửi Cục Hải quan tỉnh L và T3, đề nghị Cục Hải quan tỉnh nghiên cứu nội dung Công văn số 2119/BKHĐT-KTCN và thực hiện theo quy định pháp luật”

Theo đó, Cục Hải quan tỉnh B đã có các công văn số 1319/HQBĐ-NV ngày 26/9/2023 và công văn số 1503/HQBĐ-NV ngày 24/10/2023 trả lời vướng mắc của Công ty, với nội dung xác định: *“mặt hàng cáp điện nhập khẩu theo khai báo “Cáp DC 1Cx4mm², 1 lõi, dùng để dẫn điện từ pin về trạm nguồn, đường D, bọc cách điện bằng nhựa XLPO, đường kính lõi: 2.55mm” thuộc tờ khai hải quan số 102478496851/A12 (thuộc số TT2 Danh mục miễn thuế số 01/2019/DMMT ngày 11/01/2019 do Cục Hải quan tỉnh B cấp) là vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được quy định tại mục 111 Phụ lục III - Danh mục vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-BKHĐT ngày 30/3/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư”*.

Như vậy, căn cứ Phụ lục III - Danh mục vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-BKHĐT ngày 30/3/2018 của Bộ K và Đầu tư thì *“mặt hàng cáp điện thuộc dòng hàng thứ 2 tờ khai hải quan nhập khẩu số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019 của Công ty Cổ phần N3”* thuộc danh mục vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được.

Cơ sở pháp lý ấn định thuế:

Dự án nhà máy Đ1 của Công ty N3 thuộc ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư được quy định tại điểm 3 mục III phần A Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ và được Cục Hải quan tỉnh B cấp Danh mục hàng hóa miễn thuế số 01/2019/DMMT ngày 11/01/2019. Tuy nhiên, qua rà soát thì *“mặt hàng cáp điện thuộc dòng hàng thứ 2 tờ khai hải quan nhập khẩu số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019 của Công ty Cổ phần N3”* thuộc danh mục vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được quy định tại Phụ lục III - Danh mục vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-BKHĐT ngày 30/3/2018 của Bộ K và Đầu tư, nên không thuộc trường

hợp được miễn thuế quy định tại điểm c Khoản 11 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Căn cứ khoản 11 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016; Điều 52 Luật Quản lý Thuế; Điều 14 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; điểm b Khoản 4 Điều 17 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 31/10/2023, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 đã ban hành Quyết định số 93/QĐ-HQCKQN về việc ấn định thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đối với mặt hàng cáp điện thuộc dòng hàng thứ 2 tờ khai hải quan nhập khẩu số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019 của Công ty Cổ phần N3.

Trình tự, thủ tục ấn định thuế:

- Về thẩm quyền quyết định ấn định thuế: căn cứ theo quy định tại Khoản 7 Điều 16 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 có thẩm quyền ban hành quyết định ấn định thuế. Ngày 10/3/2023, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 ký giấy ủy quyền số 354/GUQ-HQCKQN về việc ủy quyền ký các quyết định ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho bà Lưu Thị T, Phó Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1.

- Về trình tự, thủ tục: thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 17 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

+ Biên bản làm việc ngày 11/10/2023 giữa Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 với Công ty N3 về việc ấn định thuế đối với mặt hàng cáp điện DC thuộc tờ khai hải quan số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019.

+ Thông báo (về căn cứ pháp lý ấn định thuế, phương pháp tính thuế, số tiền thuế ấn định chi tiết theo từng loại thuế, thời hạn nộp tiền thuế ấn định, thời hạn tính tiền chậm nộp) bằng văn bản cho Công ty N3 biết (Thông báo số 1664/TB-HQCKQN ngày 27/10/2023). Thông báo được thực hiện theo Mẫu số 01/TBXNK ban hành kèm theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP và được gửi cho Công ty N3 trong thời hạn quy định tại điểm k Khoản 5 Điều 15 Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

+ Quyết định ấn định thuế số 93/QĐ-HQCKQN ngày 31/10/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1. Quyết định đã thực hiện theo Mẫu số 01/QĐAĐT/TXNK tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP, và được gửi cho Công ty N3 trong thời hạn quy định tại điểm k Khoản 5 Điều 15 Nghị định 126/2020/NĐ-CP. Quyết định ấn định thuế đã ghi rõ lý do, căn cứ pháp lý, số tiền thuế ấn định, thời hạn nộp tiền thuế, thời hạn tính tiền chậm nộp. Công ty

N3 đã chấp hành, nộp đủ số tiền thuế ấn định (Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước).

Như vậy, Quyết định ấn định thuế số 93/QĐ-HQCKQN ngày 31/10/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 là có cơ sở, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Do đó, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 không đồng ý yêu cầu “*Hủy toàn bộ Quyết định số 93/QĐ-HQCKQN ngày 31/10/2023 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu*” của Công ty Cổ phần N3. Quyết định ấn định thuế số 93/QĐ-HQCKQN ngày 31/10/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 là có cơ sở, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định nên căn cứ Điều 54, điểm a khoản 4 Điều 55 Luật Quản lý thuế, Khoản 6 Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ thì Công ty N3 phải nộp số tiền thuế theo ấn định là 2.128.033.655 đồng. Do đó, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 không đồng ý yêu cầu “*Buộc Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 hoàn trả số tiền 2.128.033.655 đồng mà N3 đã thi hành theo Quyết định số 93/QĐ-HQCKQN ngày 31/10/2023 kèm lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật*” của Công ty Cổ phần Năng lượng và Công nghệ cao N3.

2.4. Căn cứ ban hành Quyết định số 07/QĐ-XPHC ngày 21/11/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với N3:

Cơ sở pháp lý:

- Số tiền thuế thiếu phải nộp của hành vi “khai sai về đối tượng miễn thuế” của Công ty N3 được thể hiện tại Quyết định ấn định thuế số 93/QĐ-HQCKQN ngày 31/10/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1.

- Ngày 01/11/2023, Công ty đã nộp đủ số tiền thuế thiếu còn lại nêu trên vào Kho bạc Nhà nước trước thời điểm lập Biên bản Vi phạm hành chính (*Bảng kê Giấy nộp tiền từ kho bạc*).

- Việc Công ty N3 khai sai về đối tượng miễn thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại tờ khai số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019 đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Hải quan năm 2014; khoản 3 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

- Hành vi khai sai về đối tượng miễn thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại tờ khai số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019 của Công ty Cổ phần N3, được quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ.

- Vụ việc vi phạm của Công ty không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ “3. Các trường hợp người khai hải quan thực hiện theo văn bản hướng dẫn, quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế theo quy định tại khoản 11 Điều 16 Luật Quản lý thuế.” (Công văn số 754/HQBĐ-NV ngày 01/6/2023 của Cục Hải quan tỉnh B).

Trình tự, thủ tục:

- Về thời hiệu xử phạt: Căn cứ thời điểm Công ty đăng ký tờ khai hải quan số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019; Căn cứ Điều 6 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 3 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan thì: Hành vi vi phạm của Công ty có thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 05 năm. Do đó, hành vi vi phạm của Công ty còn thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

- Về thẩm quyền: Căn cứ Điều 19 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan thì vụ việc thuộc thẩm quyền xử lý của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1.

- Lập Biên bản vi phạm hành chính:

+ Về thời hạn: Sau khi Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 ban hành Quyết định ấn định thuế số 93/QĐ-HQCKQN ngày 31/10/2023, thì ngày 02/11/2023, công chức Đội Thủ tục hàng hóa xuất nhập khẩu đã lập Biên bản Vi phạm hành chính số 25/BB-VPHC đối với Công ty Cổ phần N3. Đảm bảo thời hạn được quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ.

+ Biên bản được lập tại nơi xảy ra hành vi vi phạm – Chi cục Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 (nơi Công ty N3 mở tờ khai hải quan số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019).

+ Biên bản được lập theo mẫu số MBB01 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ. Biên bản đã được gửi cho người đại diện của Công ty N3 (ký xác nhận tại Biên bản Vi phạm hành chính số 25/BB-VPHC).

- Về Giải trình: Hành vi vi phạm của Công ty N3 thuộc trường hợp được giải trình quy định tại Điều 61 Luật Xử lý vi phạm và được ghi nhận tại Biên bản Vi phạm hành chính số 25/BB-VPHC ngày 02/11/2023. Ngày 08/11/2023, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 nhận được Công văn không số ngày 08/11/2023 về việc giải trình của Công ty Cổ phần N3 liên quan đến Biên bản vi

phạm hành chính số 25/BB-VPHC ngày 02/11/2023. Người có thẩm quyền xử phạt đã xem xét ý kiến giải trình trước khi ban hành Quyết định xử phạt.

- Về Quyết định xử phạt Vi phạm hành chính:

+ Về thời hạn: Quyết định số 07/QĐ-XPHC ngày 21/11/2023 về việc xử phạt vi phạm đối với Công ty N3 được ban hành trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày lập biên bản VPHC, quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

+ Quyết định được lập theo mẫu số MQĐ02 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ. Quyết định đã được gửi cho Công ty N3. Công ty N3 đã nhận được Quyết định xử phạt và nộp đủ số tiền phạt theo quyết định trong thời hạn quy định (*Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước*).

Như vậy, Quyết định số 07/QĐ-XPHC ngày 21/11/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 là có cơ sở, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Do đó, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 không đồng ý yêu cầu “*Hủy toàn bộ Quyết định số 07/QĐ-XPHC ngày 21/11/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với N3 đối với hành vi khai sai đối tượng miễn thuế đối với C điện DC dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp*” của Công ty Cổ phần N3. Quyết định số 07/QĐ-XPHC ngày 21/11/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 là có cơ sở, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định nên căn cứ khoản 1 Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì Công ty N3 phải nộp tiền phạt là 425.606.731 đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt VPHC. Do đó, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 không đồng ý yêu cầu “*Buộc Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 hoàn trả số tiền 425.606.731 đồng mà N3 đã thi hành theo Quyết định số 07/QĐ-XPHC ngày 21/11/2023 kèm lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật*” của Công ty Cổ phần Năng lượng và Công nghệ cao N3.

2.5. Căn cứ ban hành Thông báo số 1723/TB-HQCKQN ngày 06/11/2023 về tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu:

Sau khi Công ty N3 nộp số tiền thuế thiếu theo Quyết định ấn định thuế số 93/QĐ-HQCKQN ngày 31/10/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1, Hệ thống Kế toán thuế xuất nhập khẩu của Cơ quan hải quan tự động tính số tiền chậm nộp thuế cho đến thời điểm Công ty N3 nộp đủ số tiền thuế thiếu vào Ngân sách Nhà nước. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 9 Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ T2 thì Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 đã ban hành Thông báo số 1723/TB-HQCKQN ngày 06/11/2023 về tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu thông báo đến cho Công ty biết và thực hiện.

Như vậy, Thông báo số 1723/TB-HQCKQN ngày 06/11/2023 của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 là có cơ sở, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Do đó, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 không đồng ý yêu cầu “*Hủy toàn bộ Thông báo số 1723/TB-HQCKQN ngày 06/11/2023 về tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu*” của Công ty Cổ phần Năng lượng và Công nghệ cao N3. Thông báo 1723, là thông báo về việc nộp thuế, tiền chậm nộp thuế phát sinh đến thời điểm Công ty N3 nộp số tiền thuế còn thiếu được ấn định tại Quyết định số 93/QĐ-HQCKQN ngày 31/10/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 (phát sinh từ Quyết định số 93/QĐ-HQCKQN về ấn định thuế). Cho nên, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 không đồng ý yêu cầu “*Buộc Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 hoàn trả số tiền 1.091.681.265 đồng mà N3 đã thi hành theo Thông báo số 1723/TB-HQCKQN ngày 06/11/2023 kèm lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật*” của Công ty Cổ phần N3.

Ngoài ra, đối với vụ việc của Công ty Cổ phần N3, Cục Hải quan tỉnh B đã có Công văn số 343/HQBD-NV ngày 14/3/2024 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh B biết theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh B tại cuộc họp ngày 13/3/2024.

Trên đây là ý kiến của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 về toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần N3. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 không thay đổi, bổ sung gì thêm.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến:

Thông nhất với trình bày của người bị kiện; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án số 03/2025/HC-ST ngày 13/6/2025, Tòa án nhân dân khu vực 1 – G quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31; khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

- Căn cứ Luật Hải quan năm 2014;

- Căn cứ Luật thuế xuất, nhập khẩu năm 2016;

- Căn cứ Luật quản lý thuế năm 2019;

- Căn cứ Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính; Căn cứ Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế; Nghị định 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực hải quan;

- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu của những người khởi kiện, yêu cầu tuyên hủy các Quyết định hành chính sau đây của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 (Nay là Đội trưởng Đội Hải quan cửa khẩu C1) và Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 (nay là Đội Hải quan cửa khẩu C1):

- Quyết Định số 01/QĐ-XPHC của Chi Cục Trưởng C1 ngày 05/01/2024 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với N3 đối với hành vi khai sai đối tượng miễn thuế đối với Khung Giá Đ dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại 04 Tờ Khai hàng hóa nhập khẩu, cụ thể: tờ khai số 102452656021/A12 ngày 22/01/2019, tờ khai số 102453105901/A12 ngày 22/01/2019, tờ khai số 102453986240/A12 ngày 22/01/2019, tờ khai số 102481612921/A12 ngày 13/02/2019.

- Quyết Định số 05/QĐ-XPHC ngày 10/07/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với N3 đối với hành vi khai sai đối tượng miễn thuế đối với C2 dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại tờ khai số 102504829710/A12 ngày 28/02/2019.

- Quyết định số 93/QĐ-HQCKQN ngày 31/10/2023 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu

- Quyết Định số 07/QĐ-XPHC ngày 21/11/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với N3 đối với hành vi khai sai đối tượng miễn thuế đối với D2 dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại tờ khai số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019.

- Thông báo số 1723/TB-HQCKQN ngày 06/11/2023 về tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu.

Đình chỉ yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 (Nay là Đội Hải quan cửa khẩu C1) trả lãi chậm trả 952.640.068 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/6/2025, người khởi kiện là Công ty cổ phần N3 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm; đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Ngày 27/6/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Gia Lai đã ban hành Quyết định kháng nghị một phần bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy các quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Thông báo chậm nộp tiền đồng thời sửa phần án phí phải nộp là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đề nghị bác đơn kháng cáo của người kháng cáo.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Gia Lai; người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng

[1.1] Về đối tượng khởi kiện, xác định quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, xem xét đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Về xác định người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định Hải quan cửa khẩu C1 vừa là người bị kiện vừa là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đúng quy định tại Điều 57 và Điều 58 Luật Tố tụng hành chính bởi lẽ địa vị tham gia tố tụng của các đương sự này khác nhau. Người khởi kiện là Công ty Cổ phần N3 (gọi tắt là Công ty N3) yêu cầu Tòa án buộc Chi cục Hải quan cửa khẩu C1 phải trả lại tiền mà Công ty đã nộp theo các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các Thông báo về tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu của Chi cục Hải quan cửa khẩu C1 nên Chi cục Hải quan cửa khẩu C1 nay là Hải quan cửa khẩu cảng C1 được xác định là người bị kiện trong vụ án này.

[2] Về nội dung

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của Công ty N3 về việc yêu cầu Tòa án hủy toàn bộ Quyết Định số 93/QĐ-HQCKQN ngày 31/10/2023 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

- *Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:*

Quyết định ấn định thuế số 93/QĐ-HQCKQN ngày 31/10/2023 của Chi Cục Trưởng Chi Cục Hải quan cửa khẩu C1 nay là (Đội trưởng đội Hải quan cửa khẩu C1) được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, theo quy định tại khoản 5 Điều 15, Khoản 7 Điều 16, khoản 5 Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

- *Về nội dung của Quyết định:* Đối với mặt hàng Cáp điện thuộc dòng hàng số 2, Tờ khai hải quan nhập khẩu số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019, Công ty N3 kê khai là đối tượng được miễn thuế tuy nhiên mặt hàng Cáp điện thuộc Danh mục

vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được quy định tại Phụ lục III - Danh mục vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-BKHĐT ngày 30/3/2018 của Bộ K và Đầu tư, nên không thuộc trường hợp được miễn thuế quy định tại điểm c Khoản 11 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 93/QĐ-HQCKQN ngày 31/10/2023 của người khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Công ty N3 kháng cáo yêu cầu hủy quyết định này là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của Công ty N3 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai:

- Đối với các Quyết định số 01/QĐ-XPHC ngày 05/01/2024, Quyết định số 05/QĐ-XPHC ngày 10/7/2023; Quyết định số 07/QĐ-XPHC ngày 21/11/2023 của Chi Cục Trưởng Chi Cục Hải quan của khẩu Cảng Q:

* Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành: Các quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên được ban hành theo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục được quy định tại Điều 61, Điều 66, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 41 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính, Quyết định số 166/QĐ-TCHQ ngày 18/01/2021 của T3 về trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính, giải quyết khiếu nại về xử phạt vi phạm hành chính trong ngành Hải quan.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày Biên bản xử phạt vi phạm hành chính được ban hành không đúng thời hạn theo quy định, tuy nhiên người bị kiện cho rằng các mặt hàng của Công ty đi vào hệ thống phân luồng vàng thì Công chức Hải quan chỉ được kiểm tra hồ sơ không được kiểm tra thực tế hàng hóa nên khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm cần phải xác minh đầy đủ có hành vi vi phạm hành chính hay không, có lỗi hay không và có chế tài xử phạt hay không đúng theo quy định tại Điều 59 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, điều này là cần thiết nên việc vi phạm thời hạn lập Biên bản xử phạt vi phạm hành chính không phải là điều kiện để không xử phạt vi phạm hành chính.

* Về nội dung của các quyết định:

Công ty N3 đã đầu tư vào dự án Nhà máy Đ1 (sau đây gọi tắt là “Dự Án”), khởi công xây dựng vào cuối năm 2018. Để thực hiện Dự Án, Công ty J, trụ sở tại số A B, G, #21-07/08 Singapore, mã số định danh công ty B đã thay mặt công ty N3 nhập khẩu tổ hợp máy móc, dây chuyền từ nhà xuất khẩu để xây dựng Dự Án thông qua Hợp Đồng thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng Dự Án.

Công ty N3 cho rằng các hàng hóa là Khung giá đỡ, Cáp điện AC, Cáp điện DC là hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu. Ngày 09/01/2019 Công ty đã Thông báo số 0901A/CV-TTP thông báo về Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến nhập khẩu

gửi Cục Hải quan tỉnh B. Ngày 18/01/2019, Cục Hải quan tỉnh B đã thông qua danh mục mà không có ý kiến phản hồi, do đó, Công ty N3 đã tiến hành đăng ký tờ khai nhập khẩu đối với các hàng hóa nêu trên. Ngày 24/4/2023, Cục Hải quan tỉnh B mới cho rằng các hàng hóa nêu trên không được miễn thuế nhập khẩu. Công ty N3 cho rằng Công ty không có lỗi trong việc thực hiện hành vi kê khai đối tượng miễn thuế tại các tờ khai thuế nên không đồng ý với việc xử phạt vi phạm hành chính.

Theo Thông tư 01/2018/TT-BKHĐT ngày 30/3/2018 của Bộ K và đầu tư ban hành Danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được thì các mặt hàng Khung giá đỡ, C điện AC, Cáp điện DC là những hàng hóa trong nước sản xuất được quy định tại mục 82 và mục 111 phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 01.

Tại khoản 11 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016 quy định:

“Điều 16. Miễn thuế

.....

11. Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, bao gồm:

a) Máy móc, thiết bị; linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với máy móc, thiết bị; nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị;

b) Phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án;

c) Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được.

Việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại khoản này được áp dụng cho cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

...”

Và được hướng dẫn thi hành tại Điều 14 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Như vậy, Công ty N3 thực hiện kê khai sai về đối tượng miễn thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại tờ khai thuế đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Hải quan năm 2014; khoản 3 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục Hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát Hải quan.

Theo quy định tại Điều 18 Luật Hải quan năm 2014 thì “...Người khai hải quan có nghĩa vụ khai hải quan và làm thủ tục hải quan theo quy định của Luật này; Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin để cơ quan hải quan thực hiện xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đối với hàng hóa; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực của nội dung đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan; Thực hiện quyết định và yêu cầu của cơ quan hải quan, công chức hải quan trong việc làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải;...” nên tại thời điểm khai hải quan, Công ty N3 buộc phải biết các mặt hàng này đã được sản xuất trong nước và không thuộc diện được miễn thuế. Đồng thời, tại Điều 77 Luật Hải quan quy định:

Điều 77. Kiểm tra sau thông quan

1. Kiểm tra sau thông quan là hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan đối với hồ sơ hải quan, sổ kế toán, chứng từ kế toán và các chứng từ khác, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến hàng hóa; kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp cần thiết và còn điều kiện sau khi hàng hóa đã được thông quan.

Việc kiểm tra sau thông quan nhằm đánh giá tính chính xác, trung thực nội dung các chứng từ, hồ sơ mà người khai hải quan đã khai, nộp, xuất trình với cơ quan hải quan; đánh giá việc tuân thủ pháp luật hải quan và các quy định khác của pháp luật liên quan đến quản lý xuất khẩu, nhập khẩu của người khai hải quan.

2. Kiểm tra sau thông quan được thực hiện tại trụ sở cơ quan hải quan, trụ sở người khai hải quan.

Trụ sở người khai hải quan bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, cửa hàng, nơi sản xuất, nơi lưu giữ hàng hóa.

3. Thời hạn kiểm tra sau thông quan là 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

Áp dụng quy định nêu trên thì Chi Cục Hải quan cửa khẩu C1 được quyền kiểm tra sau thông quan, việc phát hiện hành vi vi phạm và tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi kê khai sai đối tượng được miễn thuế sau hơn 04 năm kể từ ngày công ty N3 nhập khẩu hàng hóa là áp dụng đúng quy định pháp luật.

- Đối với Thông báo số 1723/TB-HQCKQN ngày 06/11/2023 về tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu:

Theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ T2 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019 về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì Công ty N3 có trách nhiệm tự xác định số tiền chậm nộp, còn Cơ quan Hải quan thông báo cho người nộp thuế biết số tiền thuế, tiền phạt còn nợ, số ngày chậm nộp qua hệ thống theo mẫu. Do đó, nhận định cho rằng việc chậm trễ hoàn toàn do cơ quan Hải quan chưa xác định được đối tượng có được miễn thuế hay không và chờ có ý kiến hướng dẫn

từ các bộ ngành có liên quan là không phù hợp do việc xác định đối tượng hàng hóa có được miễn thuế hay không được áp dụng theo quy định tại Thông tư 01/2018/TT-BKHĐT ngày 30/3/2018 của Bộ K và đầu tư, Công ty N3 buộc phải biết là các hàng hóa nêu trên không thuộc danh mục được miễn thuế.

Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của công ty N3 và Kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Gia Lai về nội dung hủy các Quyết định số 01/QĐ-XPHC ngày 05/01/2024, Quyết định số 05/QĐ-XPHC ngày 10/7/2023; Quyết định số 07/QĐ-XPHC ngày 21/11/2023 của Chi Cục Trưởng Chi Cục Hải quan cửa khẩu C1 và Thông báo số 1723/TB-HQCKQN ngày 06/11/2023 về tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu.

[2.3] Đối với nội dung kháng nghị về án phí sơ thẩm:

Xét thấy ngày 28/5/2024, Tòa án nhân dân khu vực 1- Gia Lai đã có Quyết định số 01/2024/QĐ9ST-HC về việc nhập vụ án hành chính sơ thẩm số 08/2024/TLST-HC ngày 22/5/2024 và số 10/2024/TLST-HC ngày 22/5/2024 vào vụ án hành chính sơ thẩm số 09/2024/TLST-HC ngày 22/5/2024. Vì vậy, cho đến thời điểm xét xử chỉ còn 01 vụ hành chính được xét xử, căn cứ theo quy định tại Điều 30 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì tiền án phí phải nộp là 300.000 đồng. Tòa án nhân dân khu vực 1- Gia Lai xét xử tuyên bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện, buộc người khởi kiện phải chịu 900.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Gia Lai về án phí.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm

Do án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là Công ty Cổ phần N3; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Gia Lai, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2025/HC-ST ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Gia Lai về phần án phí hành chính sơ thẩm như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31; khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

- Căn cứ Luật Hải quan năm 2014;
- Căn cứ Luật thuế xuất, nhập khẩu năm 2016;
- Căn cứ Luật quản lý thuế năm 2019;

- Căn cứ Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính; Căn cứ Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế; Nghị định 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực hải quan;

- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1.1. Bác toàn bộ yêu cầu của những người khởi kiện, yêu cầu tuyên huỷ các Quyết định hành chính sau đây của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 (Nay là Đội trưởng Đội Hải quan cửa khẩu C1) và Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 (nay là Đội Hải quan cửa khẩu C1):

- Quyết Định số 01/QĐ-XPHC của Chi Cục Trưởng C1 ngày 05/01/2024 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với N3 đối với hành vi khai sai đối tượng miễn thuế đối với Khung Giá Đ dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại 04 Tờ Khai hàng hóa nhập khẩu, cụ thể: tờ khai số 102452656021/A12 ngày 22/01/2019, tờ khai số 102453105901/A12 ngày 22/01/2019, tờ khai số 102453986240/A12 ngày 22/01/2019, tờ khai số 102481612921/A12 ngày 13/02/2019.

- Quyết Định số 05/QĐ-XPHC ngày 10/07/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với N3 đối với hành vi khai sai đối tượng miễn thuế đối với C2 dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại tờ khai số 102504829710/A12 ngày 28/02/2019.

- Quyết định số 93/QĐ-HQCKQN ngày 31/10/2023 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu

- Quyết Định số 07/QĐ-XPHC ngày 21/11/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với N3 đối với hành vi khai sai đối tượng miễn thuế đối với D2 dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại tờ khai số 102478496851/A12 ngày 12/02/2019.

- Thông báo số 1723/TB-HQCKQN ngày 06/11/2023 về tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu.

1.2. Đình chỉ yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C1 (Nay là Đội Hải quan cửa khẩu C1) trả lãi chậm trả 952.640.068 đồng.

1.3. Về án phí:

Công ty Cổ phần N3 phải chịu án chính sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 900.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0000961 ngày 16/5/2024; số 0000962 ngày 16/5/2024; số 0000963 ngày 16/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn C1 (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Gia Lai)

2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Công ty Cổ phần N5 phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả Công ty Cổ phần N3 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0000052 ngày 08/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Đường sự;
- TAND Khu vực 1- Gia Lai;
- VKSND Khu vực 1- Gia Lai;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1
- Thi hành án dân tỉnh Gia Lai
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Đinh Thị Như Phượng

